

Ngữ pháp minna bài 10

50 Bài Minna(full) 1,477 Views

Ngữ pháp minna bài 10- Tương ới ở đâu vậy?

Ngữ pháp minna bài 10.

Chào các bạn. Chào mừng các bạn đến với Series 50 bài Minna cơ bản. Hôm nay chúng ta sẽ học Minna bài 10.

I. Hoàn cảnh của bài học- Ngữ pháp minna bài 10

Bài này anh Mira đi siêu thị. A không biết siêu thị ở đâu nên hỏi 1 người lạ. Người lạ này dùng mẫu câu ở đâu có cái gì đó. Cụ thể là:

あそこ に 白いビル が あります。 Ở đằng kia có tòa nhà màu trắng.

Bài này các bạn học chủ yếu mẫu câu này. Ở đâu đó có ai đó, có cái gì đó.

Ngữ pháp minna bài 10

II. Ngữ pháp minna bài 10

Ngữ pháp minna bài 10

1. Danh từ があります/います。

– Mẫu này để nói có cái gì đó- あります, có ai đó, vật gì đó います

– Bài 9 cũng học mẫu があります rồi, nhưng để dùng nói sở hữu, ai đó có cái gì đó. vd tôi có tiền, bạn có xe...

– Bài này mẫu này để nói sự hiện diện của vật, người, động vật

vd: Có công viên こうえん (公園) があります。

Có chú chó いぬ (犬) が います。

Có người 人 (ひと) が います。

Ngữ pháp minna bài 10

2. Danh từ 1(chỉ địa điểm) に Danh từ 2 が あります/います。

– Mẫu này là mẫu phát triển của mẫu trên. Nói là ở đâu đó có ai đó, vật gì đó.

vd: Ở trong nhà có con mèo 家(いえ)の中に猫(ねこ)がいます。

Ở trên tường có bức tranh かべの上(うえ)に絵(え)があります。

Ở trong tòa nhà kia có siêu thị あそこのビルにスーパーがあります。

– Với câu hỏi ở đâu đó có gì không, người nào không thì dùng 何(なに) - cái gì, だれ ai đó

vd: Trong nhà có người không? 家(いえ)の中(なか)にだれがいますか。

có anh mira. ミラーさんがいます。

không có ai. だれもいません。

Trong cặp của bạn có gì vậy? あなたのかばんの中(なか)に何(なに)がありますか。

Có sách tiếng nhật. 日本語(にほんご)の本(ほん)があります。

Ngữ pháp minna bài 10

3. Danh từ 2 は Danh từ 1(địa điểm) に あります/います。

– Mình dùng danh từ 2 trước, danh từ 1 sau là để giữ đúng thứ tự như phần 2 bên trên

– nếu như mẫu bên trên Danh từ 1(chỉ địa điểm) に Danh từ 2 が あります/います。

Dịch là: Tại địa điểm(danh từ 1) có danh từ 2

ví dụ; Trên đường có cái ô tô

– Thì mẫu này chúng ta sẽ dịch : Danh từ 2 có tại địa điểm(danh từ 1)

tức là: Cái ô tô có ở trên đường

– Có vẻ giống nhau nhưng không giống nhau vì:

+ Mẫu câu 2 nói về Danh từ mà cả người nói và người nghe đều biết

+ Mẫu câu 2 nhấn mạnh Danh từ- ở đây danh từ là chủ ngữ , chủ ngữ được nhấn mạnh trong câu

vd: ミラーさんはトイレにいます。 Anh Mira ở trong toilet. Nhấn mạnh vào a mira, cả người nói và người nghe biết a mira.

トイレにミラーさんがいます。 Trong toilet có a mira. Có thể người nghe không biết a mira là ai.

vd: Trường học thì ở bên phải của quán cà phê.

学校(がっこう)は喫茶店(きっさてん)の右(みぎ)にあります。

– Trong câu hỏi chúng ta dùng từ để hỏi địa điểm どこ

ミラーさんはどこにいますか。 Anh mira thì ở đâu vậy?

トイレにいます。 Trong nhà vệ sinh.

4. Danh từ 1(vật/người/địa điểm) の Danh từ 2(vị trí)

– Bài này các bạn học nhiều danh từ chỉ vị trí- trong mẫu trên là danh từ 2

vd: trái, phải, trên dưới vì bài này để nói vật, người có ở đâu.

– Lấy danh từ 1 làm mốc, danh từ 2 chỉ vị trí của vật muốn nói

学校は郵便局の左にあります。

vd: Trường học ở bên trái của bưu điện がっこう は 郵便局（ゆうびんきょく）のひだり に あります。

郵便局（ゆうびんきょく）のひだり bên trái của bưu điện. Lấy bưu điện làm mốc để nói trường học

con chó thì ở trước con mèo。いぬ は ねこ の まえ に います。ねこ の まえ – phía trước của con mèo.

Lấy con mèo làm mốc để nói con chó có ở đâu.

Ngữ pháp minna bài 10

5. Danh từ 1 や Danh từ 2

– や dùng để liệt kê nhiều danh từ, nghĩa là ngoài Danh từ 1 ,Danh từ 2 còn có các danh từ khác nữa

vd: わたしのかばん に ほん や パソコン が あります。Trong cặp tôi thì có những thứ như sách, máy tính...

– や thường được dùng với など mang nghĩa tương tự.

まち に がっこう や コンビニ など が あります。Ở khu phố thì có trường học, cửa hàng tiện lợi...

Ngữ pháp minna bài 10

6. Câu hỏi có gì đó không dùng ありませんか/いませんか

– Bình thường chúng ta sẽ dùng ありますか、いますか để hỏi có cái gì đó không, ai đó không.

– Dùng ありませんか/いませんか là cách hỏi lịch sự. Nghĩa là hỏi có hay không, nhưng mà nếu không có cũng không sao.

vd: trong bài có câu チリソース は ありませんか。

Có tương ớt không vậy?

III. Nói thêm về văn hóa của người Nhật liên quan tới minna bài 10

– Trong bài a Mira có hỏi đường tới siêu thị. Người Nhật thường khá tốt bụng. Nếu bị hỏi mà không bận thì có thể họ sẽ dẫn bạn tới tận nơi. Mình đã từng được 1 bác có tuổi dẫn tới tận bưu điện hỏi mới sang, muốn tới ngân hàng bưu điện làm thẻ ngân hàng. Thêm nữa là hỏi nhân viên trong nhà ga, hoặc nhân viên trong siêu thị họ cũng chỉ rất nhiệt tình. Có thể họ biết mình là người nước ngoài nên dẫn tới tận tuyến tàu mình mới đi. Sang bên Nhật tới những ga lớn tìm được tuyến mình đi không phải là dễ. Vào siêu thị thì cũng có vô vàn hàng hóa. Ngáo ngơ mới sang như a mira phải hỏi là chuyện thường, không hỏi thì sẽ tốn rất nhiều thời gian.

IV. Phần luyện tập liên quan tới bài minna bài 10

Ngữ pháp minna bài 10

Các bạn luyện tập bằng cách dịch các câu sau sang tiếng Nhật

1. Nhà tôi có 1 chú chó to.

2. Trung tâm thể thao thì ở gần nhà hát thành phố.

3. Nhà bạn có mèo không?

4. Vườn nhà bạn tôi thì có cây, ao...

5. Bạn có bút chì không?

Xin hết Minna bài 10. Chúc các bạn học tốt. Có 1 số bạn nói cần muốn 1 2 bài ôn tập lại. Cuối tuần mình sẽ viết các bài ôn tập, có bài tập để các bạn làm thử.

Mình nhắc lại 1 kinh nghiệm:

– Hệ thống kiến thức là rất quan trọng. Nhiều bạn học xong không hệ thống được, gặp vấn đề không biết tìm ở đâu, nên trên các group hỏi, như vậy là chưa biết hệ thống kiến thức. Học như vậy có học lâu cũng không hiệu quả được. Vì vậy mỗi bài đều tóm tắt sơ qua các bài trước bằng 1 – 2 dòng để các bạn có thể nhớ được 1 chút là đã học gì trong bài nào. Nếu có thắc mắc thì cứ theo đó mà tìm lại.

Bài tổng hợp có tại blog và trang fanpage của mình.

Các bài viết về kinh nghiệm du học, hay là cuộc sống tại Nhật của mình cũng được update trên đó. Bạn nào quan tâm thì like và share giúp mình nhé. Xin cảm ơn.

Comments

comments